

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST

Ngày: 09-3-2022

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hiên

2. Bà Vũ Thị Hoàn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Ngoan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2021/TLST-KDTM ngày 03 tháng 12 năm 2021 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ: Số 111A, phường B, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành C, chức vụ: Giám đốc THN trực tiếp và XLN.

Theo Giấy ủy quyền số 49313.21 ngày 09/7/2021 của Tổng giám đốc VIB.

- *Người đại diện theo ủy quyền lại:* Ông Lê Chí T, chức vụ: Cán bộ ngân hàng Q (có mặt)

Theo Giấy ủy quyền số 00828922 ngày 14/02/2022 của ông Trần Thành C.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 (có mặt)

2.2. Ông Hoàng Ngọc T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn B, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Ngân hàng TMCP Q đã ký với ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị H hợp đồng tín dụng số 393.HĐTD1.044.19 ngày 03/09/2019, với nội dung: Ngân hàng cho ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị H vay số tiền 1.330.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng; thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất vay: 9,1%/năm; ngày trả lãi: Ngày 05 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 05/10/2020. Hợp đồng có thời hạn là 24 tháng, kế ước lần 1 đã thực hiện xong.

Ngày 11/09/2020, Ngân hàng đã giải ngân cho ông T và bà H theo đơn đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ số 393.02.KUNN1.044.20 với số tiền 1.330.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T và bà H đã trả tổng cộng là 8.010.819 đồng (trong đó: nợ gốc 0 đồng, nợ lãi trong hạn: 7.993.400 đồng, nợ lãi quá hạn: 17.419 đồng), ngày 06/11/2020 do ông T và bà H không trả nợ tiếp nên đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký, ngân hàng đã chuyển khoản vay thành nợ quá hạn.

Tạm tính đến ngày 07/01/2022, ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị H

còn nợ Ngân hàng số tiền là: **1.516.000.346** đ (Một tỷ năm trăm mười sáu triệu ba trăm bốn mươi sáu đồng), bao gồm: Nợ gốc: 1.330.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 100.104.625 đồng; nợ lãi quá hạn: 85.895.721 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông T và bà H đã thế chấp cho ngân hàng:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 775, tờ bản đồ số: 14, địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 076242, số vào sổ cấp GCN: CS 00691 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình cấp ngày 29/09/2016 mang tên Hoàng Ngọc T Nguyễn Thị H. Tài sản này được thế chấp tại ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 393.HĐTC1.044.19 ngày 03/09/2019 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

2. 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Nissan, loại Navara, biển kiểm soát 17C-086.87.

Ngân hàng TMCP Q khởi kiện ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị H, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình giải quyết các nội dung sau:

1. Buộc ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 07/01/2022 là: **1.516.000.346** đồng; trong đó: Nợ gốc: 1.330.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 100.104.625 đồng; nợ lãi quá hạn: 85.895.721 đồng.

2. Ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị H vẫn phải tiếp tục chịu lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

3. Trong trường hợp ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng có quyền được phát mại tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm, cụ thể là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 775, tờ bản đồ số: 14, địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 076242 ngày 29/09/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình cấp cho ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị H.

4. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để

thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho VIB.

*) Bị đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 03/9/2019, bà và ông Hoàng Ngọc T có ký Hợp đồng tín dụng số 393.HĐTD.044.19 với Ngân hàng Q để vay số tiền gốc là 1.330.000.000 đồng, để đảm bảo cho khoản vay, vợ chồng bà đã thế chấp quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng. Do kinh doanh thua lỗ nên vợ chồng bà không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ như đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng. Bà thừa nhận vợ chồng bà còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 1.330.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 95.793.968 đồng, nợ lãi quá hạn là 58.830.437 đồng, tổng cộng là 1.484.624.405 đồng. Nay bà đề nghị được trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng, cụ thể như sau: Bắt đầu từ ngày 01/3/2022 đến hết ngày 31/5/2022 bà sẽ trả đầy đủ tiền gốc, lãi trong hạn cho Ngân hàng. Nếu hết thời hạn trên mà bà không thực hiện được việc trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản mà vợ chồng bà đã thế chấp cho Ngân hàng.

*) Bị đơn là ông Hoàng Ngọc T không trình bày lời khai, không tham gia tố tụng tại Tòa án. Tòa án tiến hành làm việc với đại diện Ủy ban nhân dân xã V xác định ông T vẫn đang cư trú tại thôn B, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

*) Phòng Tài chính kế hoạch Ủy ban nhân dân huyện K có văn bản trả lời Tòa án: Gia đình ông T và bà H có giấy phép đăng ký kinh doanh theo quy định.

*) Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Yêu cầu ông Tiến và bà Huệ phải trả ngân hàng (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/3/2022), số tiền gốc là: 1.330.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là: 100.104.625 đồng, tiền lãi quá hạn là 117.609.100 đồng, tổng cộng là: **1.547.713.725** đồng.

Bà H, ông T còn phải chịu lãi kể từ khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng. Trường hợp bà H, ông T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

Nếu ông T và bà H trả hết nợ gốc và nợ lãi trong hạn cho Ngân hàng trong ngày 09/3/2022 thì Ngân hàng sẽ xem xét đề nghị miễn lãi quá hạn cho ông bà.

*) Tại phiên tòa, bà H công nhận toàn bộ khoản nợ đối với Ngân hàng Q như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Bà đề nghị đến ngày 31/3/2022, bà sẽ trả đầy đủ nợ gốc và nợ lãi trong hạn và đề nghị Ngân hàng miễn khoản nợ lãi quá hạn cho bà và ông T. Gia đình bà có giấy phép kinh doanh theo quy định.

*) Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện:

1. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng 90m² đất ở tại nông thôn, thửa đất số 775, tờ bản đồ số 14 tại địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 076242 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình cấp ngày 29/9/2016 mang tên Hoàng Ngọc T và Nguyễn Thị H.

Hiện trạng đất không thay đổi so với thời điểm thế chấp, đất không có tranh chấp với các hộ liền kề, không lấn chiếm đất công.

2. Tài sản trên đất gồm 01 nhà mái bằng xây tháng 12/2019, nhà xây khung cột, 01 tầng, 01 gác xép và 01 tum, tổng diện tích 120m².

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án kinh doanh thương mại:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 319 và các Điều 320; 322; 463; 466; 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 24; 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điều 30 Luật thi hành án dân sự:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q: Xử buộc ông Hoàng Ngọc Ti và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/3/2022) số tiền gốc là: 1.330.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là: 100.104.625 đồng, tiền lãi quá hạn là 117.609.100 đồng, tổng cộng là: **1.547.713.725** đồng.

2. Trong trường hợp ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị H không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

4. Ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định. Trả lại Ngân hàng Q số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp.

5. Buộc ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q, Tòa án đã triệu tập họp lệ các đương sự để trình bày lời khai và tham gia tố tụng tại Tòa án. Tuy nhiên, bị đơn là ông Hoàng Ngọc T không trình bày lời khai, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do; bị đơn là bà Nguyễn Thị H không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử trong trường hợp đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn là bà Nguyễn Thị H có mặt, bị đơn là ông Hoàng Ngọc T vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q buộc ông T và bà H phải trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 393.HĐTD1.044.19 ngày 03/9/2019, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 03/9/2019, Ngân hàng TMCP Q cùng với ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị H ký kết Hợp đồng tín dụng số 393.HĐTD1.044.19, theo đó, Ngân hàng đã duyệt và giải ngân cho ông T, bà H vay số tiền 1.330.000.000đ (một tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng) ngày 11/9/2010, thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn của khoản nợ là 9,1%/năm, ngày trả lãi là ngày 05 hằng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên là

ngày 05/10/2020. Lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Tiền lãi của khoản nợ được tính theo lãi suất năm (365 ngày). Thời hạn tính lãi được tính từ ngày giải ngân đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết khoản vay và thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông T và bà H đã trả được 7.993.400 đồng nợ lãi trong hạn và 17.419 đồng nợ lãi quá hạn, tổng là 8.010.819 đồng, đến ngày 05/11/2020 ông T và bà H không trả được nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Ngày 22/7/2021, Ngân hàng có văn bản số 5367821 thông báo yêu cầu trả nợ, chủ động bàn giao tài sản đảm bảo và ngày 30/7/2021, Ngân hàng có văn bản thông báo số 5369321 về việc thu hồi toàn bộ dư nợ khoản vay. Do ông T và bà H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ như đã ký kết, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng nên từ ngày 05/11/2020, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ gốc sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, do đó, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (09/3/2022), ông T và bà H còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền gốc là: 1.330.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là: 100.104.625 đồng, tiền lãi quá hạn là 117.609.100 đồng, tổng cộng là: **1.547.713.725** đồng. Như vậy, ông T và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 393.HĐTD1.044.19 ngày 03/9/2019 là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, vi phạm Luật các tổ chức tín dụng, vi phạm cam kết của bên vay tiền. Do đó, cần buộc ông T và bà H phải trả cho Ngân hàng TMCP Q (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/3/2022) số tiền gốc là: 1.330.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là: 100.104.625 đồng, tiền lãi quá hạn là 117.609.100 đồng, tổng cộng là: **1.547.713.725** đồng là phù hợp với các Điều 463; 466; 468 của Bộ luật Dân sự và Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[2.3] Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 393.HDDTC.044.19 ngày 03/9/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy: Để bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 393.HĐTD1.044.19 ngày 03/9/2019, ông T và bà H đã thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 775, tờ bản đồ số 14, diện tích 90m² đất ở nông thôn, đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 076242 ngày 29/9/2016 mang tên ông T và bà H tại địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện Kg, tỉnh Thái Bình. Hợp đồng thế chấp này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên đã có hiệu lực pháp luật, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của bên thế chấp và bên nhận thế chấp. Mặc dù ông T và bà

H không thể chấp tài sản gắn liền với đất là 01 nhà mái bằng 01 tầng xây khung cột, 01 gác xép và 01 tum, tổng diện tích 120m² nhưng theo mục 2.2 và 2.3 Điều 2 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 393.HDDTC.044.19 ngày 03/9/2019 được ký kết giữa các bên quy định thì tài sản gắn liền với đất cũng là tài sản thế chấp. Do đó, trong trường hợp ông T và bà H không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

[3] Ông T và bà H phải tiếp tục chịu khoản lãi kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 393.HĐTD.044.19 ngày 03/9/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ..

[4] Về án phí:

[4.1] Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q được chấp nhận toàn bộ nên Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp.

[4.2] Ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

[5] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP Q đã nộp số tiền 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q được chấp nhận toàn bộ và Ngân hàng yêu cầu ông T và bà H phải trả số tiền này, do đó căn cứ vào Điều 157 và Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự buộc ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147; 203; 227; 228; 235; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Khoản 1 Điều 319 và các Điều 320; 322; 463; 466; 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 24; 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q, cụ thể:

1. Xử buộc ông Hoàng Ngọc T, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; đều cư trú tại: Thôn B, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình phải trả cho Ngân hàng TMCP Q (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 09/3/2022) số tiền gốc là: 1.330.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là: 100.104.625 đồng, tiền lãi quá hạn là 117.609.100 đồng, tổng cộng là: **1.547.713.725** đồng theo Hợp đồng tín dụng số 393.HĐTD1.044.19 ngày 03/9/2019.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng 393.HĐTD1.044.19 ngày 03/9/2019.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị H không trả được số tiền nợ hoặc trả không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP Q thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Cụ thể các tài sản thế chấp như sau:

3.1. Quyền sử dụng 90m² đất ở tại nông thôn, thửa đất số 775, tờ bản đồ số 14 tại địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 076242 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình cấp ngày 29/9/2016 mang tên Hoàng Ngọc T và Nguyễn Thị H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 393.HDDTC.044.19 ngày 03/9/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị H.

3.2. 01 nhà mái bằng 01 tầng, 01 gác xép và 01 tum, nhà xây khung cột, tổng diện tích 120m² trên diện tích 90m² đất trên.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả Ngân hàng TMCP Q 2.000.000 đồng chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ.

5. Về án phí:

5.1. Ngân hàng TMCP Q không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Q số tiền 27.000.000 đồng tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0001511 ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình.

5.2. Ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị H phải nộp 58.431.411 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn là Ngân hàng Q, bị đơn là bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 09/3/2022. Bị đơn là ông Hoàng Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thái